TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị An;

Bà Đặng Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1991, căn cước công dân số 031191003251; nơi cư trú: Thôn Q, xã A, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Văn Á, sinh năm 1987, căn cước công dân số 031087017812; nơi cư trú: Thôn Q, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.oà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh Trịnh Văn Á kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng ngày 11 tháng 3 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Q, xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng không có

hạnh phúc và luôn trong tình trạng căng thẳng, bất hoà. Mặt khác do anh Ánh vi phạm pháp luật, bị xử phạt 9 năm tù và phải đi chấp hành án đến tháng 12 năm 2025 mới về nhà. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên từ cuối năm 2025 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn anh Ánh. Chị và anh Ánh có hai con chung là Trịnh Hoàng D, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010 và Trịnh Huy H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2014. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung vì từ khi anh Ánh đi chấp hành án đến nay hai con đều do chị nuôi dưỡng, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường và nguyện vọng của hai cháu khi bố mẹ ly hôn cũng muốn sống với mẹ; chị làm nghề buôn bán thuỷ hải sản nên thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi hai con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trịnh Văn Á trình bày: Anh và chị Bùi Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nhưng theo anh đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý với lý do anh còn tình cảm với chị N. Anh chị có hai con chung là Trịnh Hoàng D, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010 và Trịnh Huy H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ánh thể hiện: Anh chị tự nguyện kết hôn và chung sống tại thôn Q, xã A, thành phố Hải Phòng từ năm 2010 đến nay. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Ánh hay ghen tuông vô cớ, cấm đoán và kiểm soát chị N nên cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng. Mâu thuẫn của anh chị đã được hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị có hai con chung là Trịnh Hoàng D, sinh năm 2010 và Trịnh Huy H, sinh năm 2014. Trường hợp anh chị phải ly hôn đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của con và điều kiện của anh chị để giải quyết về con chung. Chi N làm nghề buôn bán thuỷ hải sản, anh Ánh mở hiệu cầm đồ tại địa phương nên đều có thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo thông báo của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh Ánh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi

phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn anh Ánh. Giao hai con chung Trịnh Hoàng D, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010 và Trịnh Huy H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị N và anh Ánh có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là anh Trịnh Văn Á có nơi cư trú tại xã A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; các đương sự, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Ánh.

- Về nội dung:

[4] Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Văn Á kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng ngày 11 tháng 3 năm 2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Văn Á trình bày phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn chị N và anh Ánh sống chung tại thôn Q, xã A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hoà; gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành; hiện nay anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, chị N và anh Ánh đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không

chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn giữa chị N và anh Ánh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh Ánh.

[6] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trịnh Hoàng D, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010 và Trịnh Huy H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2014. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Hiện nay, hai con chung đang chung sống với chị N và đều có nguyện vọng được ở với chị N; đồng thời chị N có chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con Trịnh Hoàng D và Trịnh Huy H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N và anh Ánh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Văn Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Văn Á có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Trịnh Văn Á.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung Trịnh Hoàng D, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010 và Trịnh Huy H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2014 cho chị N trực tiếp

nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con chị N và anh Ánh không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Văn Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003184 ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Trịnh Văn Á có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND xã An Khánh (ĐKKH năm 2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng